

THÀNH PHẦN LOÀI THÚ HIỆN BIẾT Ở HUYỆN ĐÀ BẮC, TỈNH HÒA BÌNH

Nguyễn Thị Lan Anh

*Trường Đại học Khoa học Tự nhiên,
Đại học Quốc gia Hà Nội*

Đà Bắc là huyện vùng cao của tỉnh Hòa Bình; nằm trọn trong lưu vực Sông Đà; có những điều kiện tự nhiên tương đối đặc thù như: địa hình đồi, núi, sông, suối xen kẽ tạo thành nhiều dải hẹp bị cắt phá mạnh mẽ nên đất có độ dốc lớn. Mặc dù có diện tích đất tự nhiên lớn nhất so với các huyện trong tỉnh nhưng đất nông nghiệp chiếm tỷ lệ rất ít, chủ yếu là đất rừng. Hiện nay, tình trạng chặt phá rừng, chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang canh tác, khai thác khoáng sản, phát triển hạ tầng, thủy điện,... ngày càng làm mất sinh cảnh sống của các loài động vật trong tự nhiên (Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hòa Bình 2015).

Đà Bắc có khí hậu nhiệt đới gió mùa, thời tiết ôn hoà, nhiệt độ trung bình 22,8°C, lượng mưa trung bình 1.900 mm, độ ẩm trung bình 81 - 84% (Cục thống kê tỉnh Hòa Bình 2016). Với khí hậu trong lành, mát mẻ, thiên nhiên hoang sơ và có sự đa dạng về nguồn tài nguyên sinh vật, nên Đà Bắc có tiềm năng rất lớn về du lịch, đặc biệt là du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng. Tuy nhiên, với sự tác động của biến đổi khí hậu trên phạm vi toàn cầu đã làm cho khí hậu, thời tiết trên địa bàn huyện có những thay đổi đáng kể so với trước đây. Các hiện tượng như mưa, gió, lũ lụt không còn theo quy luật mà xảy ra bất thường khó kiểm soát. Hiện tượng mưa, lũ, sạt lở đất cũng xảy ra nhiều với cường độ mạnh hơn so với trước đây (Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hòa Bình 2015). Những tác động trên đã ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất, sinh hoạt của con người cũng như đa dạng sinh học trên toàn khu vực huyện. Vì vậy, để góp phần nghiên cứu hiện trạng đa dạng sinh học ở huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình, làm cơ sở khoa học cho công tác đề xuất các giải pháp sử dụng hợp lý và phát triển bền vững tài nguyên trong vùng, chúng tôi tiến hành nghiên cứu này với mục tiêu xác định thành phần loài và tình trạng của các loài thú có trong khu vực.

I. ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Địa điểm: huyện Đà Bắc (một huyện thuộc tỉnh Hòa Bình, Tây Bắc Việt Nam, cách thành phố Hòa Bình khoảng 20 km).

Thời gian: từ tháng 4 đến tháng 12 năm 2016.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phỏng vấn

Đối tượng phỏng vấn chủ yếu là những thợ săn và người đi rừng có kinh nghiệm, kết hợp với cán bộ tuần rừng. Kết quả phỏng vấn sẽ kiểm chứng một cách chính xác những thông tin ghi nhận được ngoài thực địa cũng như cung cấp sự có mặt của các loài mà có thể quá trình điều tra thực địa không ghi nhận được. Hình ảnh trong các tài liệu của Francis (2001; 2008), Nadler và Nguyễn Xuân Đặng (2008) giúp nhận dạng động vật hoang dã đã được sử dụng trong quá trình phỏng vấn để giúp người được phỏng vấn nhận diện chính xác loài giúp lấy thông tin cần quan tâm là thành phần loài, sự phân bố của các loài động vật cũng như tình trạng hiện tại của chúng.

2.2. Điều tra thực địa

Các loài động vật được điều tra ở các dạng sinh cảnh đặc trưng trong khu vực và các địa điểm mà thợ săn, người đi rừng hay bắt gặp chúng. Các loài thú được ghi nhận qua quan sát trực

tiếp hoặc qua các dấu vết mà chúng để lại như dấu chân, dấu phân, lông, vết đào bới, vết cào hoặc thức ăn.

2.3. Tài liệu sử dụng trong phân loại và đánh giá

Kế thừa các tài liệu đã công bố về động vật ở huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình (Đặng Huy Huỳnh và cs. 1975). Xác định các loài thú tại thực địa bằng sách hướng dẫn nhận biết có hình vẽ màu của Francis (2001; 2008), Nadler và Nguyễn Xuân Đăng (2008). Các loài quý hiếm được đánh giá dựa trên ba nguồn thông tin là Danh lục Đỏ IUCN (2017), Sách Đỏ Việt Nam (2007), Nghị định 32/2006/NĐ-CP. Tên phổ thông, tên khoa học và phân bố theo Đặng Ngọc Cẩn và cs. (2008), Nguyễn Xuân Đăng và Lê Xuân Cảnh (2009) và Lê Vũ Khôi (2000).

II. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

1. Thành phần loài thú tại khu vực nghiên cứu

Từ kết quả điều tra thực địa kết hợp với tham khảo tài liệu, thành phần loài thú ghi nhận được ở huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình có 47 loài thuộc 33 giống, 7 bộ, 22 họ từ các nguồn thông tin khác nhau (Bảng 1).

Bảng 1

Thành phần loài thú hiện biết ở huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình

STT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Nguồn thông tin	Mức nguy cấp		
				IUCN	SDVN	NĐ32
	I. BỘ CHUỘT CHÙ	SORICOMORPHA				
	1. Họ Chuột chù	Soricidae				
1	Chuột chù đuôi đen	<i>Crocidura attenuata</i>	QS, MV	LC		
2	Chuột chù nhà	<i>Suncus murinus</i>	QS, MV			
	II. BỘ NHIỀU RĂNG	SCANDENTIA				
	2. Họ Đồi	Tupaiaidae				
3	Đồi	<i>Tupaia belangeri</i>	QS, MV	LC		
	III. BỘ DÓI	CHIROPTERA				
	3. Họ Dơi quả	Pteropodidae				
4	Dơi chó cánh dài	<i>Cynopterus sphinx</i>	QS, MV	LC		
5	Dơi chó cánh ngắn	<i>Cynopterus brachyotis</i>	PV, TL	LC	VU	
	4. Họ Dơi ma	Megadermatidae				
6	Dơi ma nam	<i>Megaderma spasma</i>	PV, TL	LC		
	5. Họ Dơi lá mũi	Rhinolophidae				
7	Dơi lá tai dài	<i>Rhinolophus macrotis</i>	PV, TL	LC		
8	Dơi lá mũi nhỏ	<i>Rhinolophus pusillus</i>	PV, TL	LC		
9	Dơi lá đuôi	<i>Rhinolophus affinis</i>	PV, TL	LC		
	6. Họ Dơi nếp mũi	Hipposideridae				
10	Dơi nếp mũi xinh	<i>Hipposideros pomona</i>	PV, TL	LC		
11	Dơi nếp mũi quạ	<i>Hipposideros armiger</i>	PV, TL	LC		
12	Dơi nếp mũi xám	<i>Hipposideros larvatus</i>	PV, TL	LC		
	7. Họ Dơi muỗi	Vespertilionidae				
13	Dơi muỗi xám	<i>Pipistrellus javanicus</i>	PV, TL	LC		
14	Dơi muỗi mắt	<i>Pipistrellus tenuis</i>	PV, TL	LC		
	IV. BỘ LINH	PRIMATES				

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 7

	TRƯỜNG					
	8. Họ Cu li	Loridae				
15	Cu li lớn	<i>Nycticebus bengalensis</i>	PV, TL	VU	VU	IB
16	Cu li nhỏ	<i>Nycticebus pygmaeus</i>	PV, TL	VU	VU	IB
	9. Họ Khỉ	Cercopithecidae				
17	Khỉ mặt đỏ	<i>Macaca arctoides</i>	PV, TL	VU	VU	IIB
18	Khỉ vàng	<i>Macaca mulatta</i>	PV, TL	LC	LR	IIB
	V. BỘ AN THỊT	CARNIVORA				
	10. Họ Chó	Canidae				
19	Lửng chó	<i>Nyctereutes procyonoides</i>	MV	LC		
	11. Họ Gấu	Ursidae				
20	Gấu ngựa	<i>Ursus thibetanus</i>	PV, TL	VU		
	12. Họ Chồn	Mustelidae				
21	Rái cá thường	<i>Lutra lutra</i>	PV, MV	NT	VU	IB
22	Chồn bạc má bắc	<i>Melogale moschata</i>	PV			
23	Lửng lợn	<i>Arctonyx collaris</i>	PV, DV	LC		
	13. Họ Cây	Viverridae				
24	Cây văn bắc	<i>Chrotogale owstoni</i>	PV, TL	VU	VU	IIB
25	Cây gấm	<i>Prionodon pardicolor</i>	PV, TL	LC	VU	IIB
26	Cây vòi mốc	<i>Paguma larvata</i>	PV, DV			
27	Cây hương	<i>Viverricula indica</i>	PV, DV	LC		IIB
28	Cây giông	<i>Viverra zibetha</i>	PV, TL	LC		IIB
	14. Họ Mèo	Felidae				
29	Mèo rừng	<i>Prionailurus bengalensis</i>	PV	LC		IB
30	Báo lửa	<i>Catopuma temminckii</i>	PV, TL	NT	EN	IB
	VI. BỘ GUỐC NGÓN CHÂN	ARTIODACTYLA				
	15. Họ Lợn	Suidae				
31	Lợn rừng	<i>Sus scrofa</i>	PV, DV	LC		
	16. Họ Trâu bò	Bovidae				
32	Sơn dương	<i>Capricornis milneedwardsii</i>	PV, TL	NT	EN	IB
	VII. BỘ GẬM NHẮM	RODENTIA				
	17. Họ Sóc	Sciuridae				
33	Sóc bụng đỏ	<i>Callosciurus erythraeus</i>	QS	LC		
34	Sóc bụng xám	<i>Callosciurus inornatus</i>	QS	LC		
35	Sóc đen	<i>Ratufa bicolor</i>	PV, TL	NT	VU	
36	Sóc chuột lớn	<i>Tamiops swinhoei</i>	QS	LC		
37	Sóc bay lông tai	<i>Belomys pearsoni</i>	PV, TL	NT	CR	
38	Sóc bay trâu	<i>Petaurista philippensis</i>	PV, TL	LC		IIB
	18. Họ Chuột	Muridae				
39	Chuột nhà	<i>Rattus tanezumi</i>	QS	LC		
40	Chuột công	<i>Rattus norvegicus</i>	QS	LC		

41	Chuột thường	<i>Rattus rattus</i>	QS	LC		
42	Chuột đất lớn	<i>Bandicota indica</i>	QS	LC		
43	Chuột đất bé	<i>Bandicota savilei</i>	QS	LC		
44	Chuột nhắt nhà	<i>Mus musculus</i>	QS	LC		
45	Chuột nhắt núi	<i>Mus pahari</i>				
	19. Họ Dúi	Rhizomyidae				
46	Dúi mốc lớn	<i>Zhizomys pruinosus</i>	PV, QS	LC		
	20. Họ Nhím	Hystriidae				
47	Đon	<i>Atherurus macrourus</i>	MV	LC		

Ghi chú: PV: Phóng vấn; MV: Có mẫu vật thu được hoặc được nhân nuôi hoặc di vật thú bị săn bắt; QS: Quan sát; DV: Dấu vết; TL: Tài liệu; CR (Critically Endangered) - Rất nguy cấp; EN (Endangered) - Nguy cấp; VU (Vulnerable) - Sẽ nguy cấp; LC (Least Concern) - Ít quan tâm; NT (Near Threatened) - Gần bị đe dọa; IB. Nghị định 32/2006ND-CP Nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại; IIB. Nghị định 32/2006ND-CP Hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại.

Trong tổng số 7 bộ thú đã ghi nhận, bộ Ăn thịt (Carnivora) có 5 họ, chiếm 25% tổng số họ và 25,5% tổng số loài; tiếp theo là bộ Gặm nhấm (Rodentia) có 4 họ, chiếm 20% tổng số họ và 31,9% tổng số loài được ghi nhận trong nghiên cứu này. Mức độ đa dạng của bộ Gặm nhấm (Rodentia) và bộ Ăn thịt (Carnivora) ở huyện Đà Bắc cũng được phản ánh từ mức độ đa dạng chung của thú Việt Nam và các điều kiện tương đối thuận lợi cho sự cư trú của các loài tại khu vực nghiên cứu.

Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi cũng ghi nhận được rằng phần lớn các loài thú ở huyện Đà Bắc phân bố chủ yếu ở Khu bảo tồn thiên nhiên Phu Canh; bao gồm các bộ Linh trưởng (Primates), Ăn thịt (Carnivora), Gặm nhấm (Rodentia), Dơi (Chiroptera) và loài Sơn dương (*Capricornis milneedwardsii*) thuộc bộ Guốc ngón chẵn (Artiodactyla). Các khu dân cư được ghi nhận là nơi cư trú, hoạt động và kiếm ăn chủ yếu của các loài Chuột chù nhà (*Suncus murinus*), Chuột nhắt nhà (*Mus musculus*) và Chuột nhà (*Rattus tanezumi*).

2. Giá trị bảo tồn và kinh tế của các loài thú ở huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình

- Giá trị bảo tồn

Về tình trạng của loài, có 16 loài có giá trị bảo tồn cao trong tổng số 47 loài thú ghi nhận được tại huyện Đà Bắc, trong đó, có 12 loài có tên trong Sách Đỏ Việt Nam năm 2007; 13 loài trong ND 32/ND-CP, 2006 và 7 loài trong Danh lục Đỏ của IUCN (bảng 1).

Theo Đặng Huy Huỳnh và cs. (1975), một số loài động vật đã từng phân bố trong khu vực nghiên cứu cách đây 20-30 năm như Vượn đen tuyền Tây Bắc (*Nomascus unicolor*), Nai (*Rusa unicolor*), Tê tê (*Manis pentadactyla*) nhưng hiện đã xác định bị tuyệt chủng. Các loài quý hiếm như Sơn dương, Linh trưởng, Gấu là những loài hiện có kích thước quần thể rất nhỏ. Đây cũng là minh chứng rõ ràng cho thấy mức độ suy giảm của các loài động vật hoang dã ở đây đang diễn ra rất nhanh và có thể thấy rằng, sự suy giảm đó chủ yếu do con người gây ra, do đó các nhà quản lý cần phải có các hoạt động bảo tồn kịp thời đối với các loài hiện đang bị đe dọa tuyệt chủng và được bảo vệ trong các văn bản pháp luật.

- Giá trị kinh tế

Phần lớn các loài động vật ở huyện Đà Bắc đều có giá trị kinh tế nên chúng luôn trong tình trạng bị người dân ở đây khai thác bằng nhiều hình thức khác nhau. Để giảm thiểu tối đa sức ép khai thác rừng tự nhiên, một trong những giải pháp quan trọng là tạo ra sinh kế phù hợp cho người dân. Hiện nay, việc nhân nuôi các loài động vật hoang dã góp phần tăng lợi nhuận cho

người nông dân thay vì chăn nuôi các loài vật nuôi truyền thống đang được nhân rộng ở huyện Đà Bắc cũng như nhiều tỉnh trên cả nước.

Trong quá trình thực hiện nghiên cứu, chúng tôi cũng đã đến khảo sát một số trang trại chăn nuôi nhỏ và vừa của nhiều hộ nông dân trong huyện Đà Bắc. Họ đã tìm cho mình hướng đi mới bằng cách đầu tư nuôi các loài động vật hoang dã như lợn rừng, nhím, dúi... vừa mang lại lợi nhuận cao, vừa góp phần bảo tồn một số loài động vật hoang dã. Họ đã phát triển theo hướng gia trại, trang trại, nuôi hỗn hợp nhiều loài. Vừa mang lại lợi nhuận cao, tạo công ăn việc làm có thu nhập ổn định cho một bộ phận dân cư, góp phần xoá đói giảm nghèo, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, cung cấp thực phẩm cho nhu cầu xã hội; đồng thời giảm áp lực khai thác tài nguyên thiên nhiên, hỗ trợ cho công tác bảo tồn loài trong môi trường hoang dã, duy trì nguồn gen động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm. Tuy nhiên, việc phát triển chăn nuôi theo hướng này cũng đặt ra bài toán đối với các ngành chức năng trong việc kiểm soát, quản lý. Đó là, hầu hết các mô hình nhân nuôi động vật có nguồn gốc hoang dã như hiện nay đều là mô hình gia đình nhỏ lẻ, tự phát, kỹ thuật gây nuôi chủ yếu do học hỏi kinh nghiệm của các hộ khác; vì vậy, việc quản lý, kiểm soát tình hình nguồn giống, vệ sinh và dịch bệnh trong nhân nuôi nói chung là tương đối khó khăn. Để quản lý tốt các loài động vật hoang dã được nhân nuôi, các ngành chức năng đã chỉ đạo các đơn vị trực thuộc hướng dẫn các tổ chức, cá nhân nuôi nhốt làm thủ tục trại nuôi sinh sản, sinh trưởng theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, hầu hết các hộ, trang trại nuôi đều chấp hành đúng quy định của Nhà nước.

III. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu đã xác định được tổng số 47 loài thú thuộc 33 giống, 22 họ, 7 bộ ở huyện Đà Bắc, trong đó, bộ Gặm nhấm (Rodentia) và bộ Ăn thịt (Carnivora) chiếm ưu thế.

Xác định được 16 loài thú cần được ưu tiên bảo tồn có tên trong Sách Đỏ Việt Nam 2007, Nghị định số 32 và IUCN.

Cần phải có các kế hoạch bảo tồn kịp thời cho các loài thú và hỗ trợ phát triển sinh kế hợp lý cho người dân trong vùng.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được thực hiện bởi Đề tài mã số QG.16.13 của Đại học Quốc gia Hà Nội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 2007. *Sách Đỏ Việt Nam (Phần I. Động vật)*. Nxb. Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.
2. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam, 2006. *Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006 của Thủ tướng chính phủ về: Quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm*.
3. Cục Thống kê tỉnh Hòa Bình, 2016. *Niên giám Thống kê tỉnh Hòa Bình 2015*. Nhà xuất bản Thống kê.
4. Đặng Huy Huỳnh, Bùi Kính, Phạm Trọng Ảnh, Nguyễn Văn Sáng, Trương Văn Lã, Đỗ Ngọc Quang, 1975. *Động vật kinh tế tỉnh Hòa Bình*. Ban Khoa học Kỹ thuật tỉnh Hòa Bình xuất bản.
5. Đặng Ngọc Cần, Hideki Endo, Nguyễn Trường Sơn, Tatsuo Oshida, Lê Xuân Cảnh, Đặng Huy Phương, Darrin Lunde, Shin-Ichiro Kawada, Akiko Hayashida & Motoki

- Sasaki**, 2008. *Danh lục các loài thú hoang dã Việt Nam*. Viện nghiên cứu Linh trưởng, Đại học Kyoto và Phòng Động vật học có xương sống, Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật.
6. **Francis C. M.**, 2001. *A Photographic Guide to Mammals of South-East Asia: Including Thailand, Malaysia, Singapore, Myanmar, Laos, Vietnam, Cambodia, Java, Sumatra, Bali and Borneo*. Ralph Curtis Publishing, Bangkok.
 7. **Francis C. M.**, 2008. *A Guide to the Mammals of Southeast Asia*. Princeton University Press. USA.
 8. **Lê Vũ Khôi**, 2000. *Danh lục các loài thú Việt Nam*. Nhà xuất bản Nông nghiệp. Hà Nội.
 9. **Nadler T., & Nguyễn Xuân Đặng**, 2008. *Các loài động vật được bảo vệ ở Việt Nam*. HAKI Publishing, Hà Nội.
 10. **Nguyễn Xuân Đặng, Lê Xuân Cảnh**, 2009. *Phân loại học lớp thú (Mammalia) và đặc điểm khu hệ thú hoang dã Việt Nam*. Nxb. Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.
 11. **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hòa Bình**, 2015. *Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Hòa Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030*. Báo cáo tổng kết dự án.
 12. **The IUCN Red List of Threatened Species**. Version 2016.1. <http://www.iucnredlist.org>. Downloaded on 18 June 2017.

SPECIES COMPOSITION OF MAMMALS IN DA BAC DISTRICT, HOA BINH PROVINCE

Nguyen Thi Lan Anh

SUMMARY

The study was conducted in April and December 2016 to determine the species composition and status of mammal species in Da Bac district, Hoa Binh province. The results of the survey recorded 47 mammal species belonging to 33 genera, 20 families, 7 orders. These findings also show that there are 16 mammal species which listed in the Red Data Book of Vietnam, IUCN Red List and Governmental Decree No. 32/2006 / ND-CP. The remaining species have not been adequately assessed for conservation status in the IUCN Red List. With information on the status of mammal species in this study will serve for the protection of resources in Da Bac district in general and each rare species in particular. Some animals were previously distributed in the area but are now identified extinct. This shows that, the populations of the endangered wildlife species residing in protected areas may decline rapidly, which requires appropriate and timely conservation activities.